TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC LINH** TỈNH BÌNH THUẬN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2024/HNGĐ-ST
Ngày 23-7-2024
V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Bình

2. Ông Lưu Trọng Kim

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Tốt - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2024, tại Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 544/2023/TLST – HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2023 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 154/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 110/2024/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Trịnh Quang A, sinh năm 1995; Thường trú: Tổ N, thôn B, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

- Bị đơn: Chị Tăng Thị Hồng N, sinh năm 2001; Thường trú: Tổ N, thôn B, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận; Nơi cư trú: Số nhà B đường số H, tổ N, thôn C, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

Anh A có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, chị N có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Trịnh Quang A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh A và chị Tăng Thị Hồng N tìm hiểu nhau trong thời gian khoảng 01 năm thì tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung tại nhà cha mẹ ruột của anh A, địa chỉ đường số 23, tổ N, thôn B, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận. Vợ chồng sống chung đến tháng 8/2023 thì chị N bỏ đi và không liên lạc với anh A cho đến nay, anh A không biết chị N đi đâu. Anh A có hỏi gia đình chị N nhưng gia đình không biết chị đang ở đâu. Trong thời gian sống chung, vợ chồng anh A thường cãi nhau nhiều vấn đề, không cùng quan điểm sống, có thể đây là lý do chị N bỏ đi. Anh chị cũng đã ly thân với nhau từ đó.

Nay anh A xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy, anh A yêu cầu được ly hôn với chị N.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Trịnh Hoàng P, sinh ngày 21/4/2020. Hiện nay cháu đang sống cùng anh A. Trong đơn khởi kiện anh A không yêu cầu giải quyết con chung nhưng nay anh A yêu cầu giải quyết như sau: Khi ly hôn, anh A yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị N phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản tự khai ngày 11/4/2024 và đơn yêu cầu giải quyết về con chung, bị đơn chị Tăng Thị Hồng N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh Trịnh Quang A tìm hiểu nhau trong thời gian khoảng 01 năm thì tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 20 ngày 16/4/2019.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung tại nhà cha mẹ ruột của anh A, địa chỉ đường số 23, tổ N, thôn B, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận. Vợ chồng sống chung đến tháng 6/2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh A đánh đập chị N nhiều lần vì mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng. Mẹ chồng chị N cũng thường xuyên gây sự với chị nên vợ chồng thường xuyên cãi vả. Sau đó chị N và con về nhà mẹ ruột để ở, anh A có đến đón con về nhà anh chơi rồi giữ con để mẹ anh A nuôi, không cho chị N dẫn con về. Vợ chồng anh chị ly thân từ tháng 6/2023 cho đến nay, không còn quan tâm nhau nữa. Sau đó, vì làm ăn kiếm tiền nên chị N đi làm xa một thời gian. Từ đầu tháng 4/2024, chị N về lại nhà cha mẹ ruột để sinh sống và đi làm để kiếm tiền nuôi con.

Nay, chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy, chị N đồng ý với yêu cầu được ly hôn của anh A.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Trịnh Hoàng P, sinh ngày 21/4/2020. Hiện nay cháu đang sống cùng bà nội là bà Nguyễn Thị L tại địa chỉ đường số 23, tổ N, thôn B, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận. Anh A đang thuê phòng trọ ở tại xã Đ. Tại bản tự khai và đơn yêu cầu giải quyết về con chung ngày 11/4/2024, chị N yêu cầu giải quyết: Khi ly hôn, chị N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh A phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa, chị N thay đổi yêu cầu: Đồng ý giao con chung cho anh A trực tiếp nuôi dưỡng, chị N không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ngày 14/5/2024, Tòa án xác minh tình trạng hôn nhân, mâu thuẫn vợ chồng trong quá trình chung sống giữa anh Trịnh Quang A và chị Tăng Thị Hồng N tại địa phương và được cung cấp: Anh A và chị N là vợ chồng, sau khi kết hôn sinh sống tại nhà cha mẹ anh A địa chỉ tổ N, thôn B, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận. Đến năm 2023 thì chị N không sinh sống tại đây nữa. Địa phương không nắm rõ tình hình mâu thuẫn của anh chị. Anh A, chị N có 01 con chung, cháu từ nhỏ cho đến hiện tại đều sinh sống tại nhà cha mẹ anh A. Anh A thường xuyên thay đổi việc làm nên có thời gian đi làm xa nhưng vẫn về nhà cha mẹ sinh sống.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã được thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn là đúng quy định.

+ Về nội dung vụ án: Thấy rằng năm 2019, anh A, chị N kết hôn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận, do đó hôn nhân là hợp pháp. Mâu thuẫn giữa vợ chồng anh A, chị N đã trầm trọng thể hiện ở việc vợ chồng đã không còn tình cảm, có nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống, anh chị đã không còn sống chung từ năm 2023 đến nay, nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Trịnh Hoàng P, sinh ngày 21/4/2020; anh A và chị N đều yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung; hiện nay con chung đang sống cùng anh A; tại phiên tòa, chị N đồng ý giao con chung cho anh A nuôi dưỡng, vì vậy, giao con chung cho anh A trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp, ghi nhận việc anh A tự nguyện không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên không giải quyết là có cơ sở.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trịnh Quang A và chị Tăng Thị Hồng N tìm hiểu nhau khoảng 01 năm thì tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận và đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 20 ngày 16 tháng 4 năm 2019, nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

[3] Mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc; để đạt được mục đích đó vợ chồng phải chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Căn cứ vào lời khai của anh A, chị N, cuộc sống vợ chồng đã có nhiều mâu thuẫn, đến gần cuối năm 2023, chị N về sinh sống tại nhà mẹ ruột địa chỉ số nhà B đường số H, tổ N, thôn C, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận. Vợ chồng ly thân từ đó đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Nay, anh A, chị N đều đồng ý ly hôn. Từ đó có cơ sở khẳng định tình cảm vợ chồng giữa anh A và chị N đã thật sự rạn nứt, đời sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh A đối với chị N là có căn cứ và đúng pháp luật.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung tên Trịnh Hoàng P, sinh ngày 21/4/2020. Anh A không có đơn yêu cầu giải quyết về con chung nhưng tại bản tự khai, anh A có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Chị N có đơn yêu cầu giải quyết về con chung ngày 11/4/2024, trong đó chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, tuy nhiên, Tòa án đã nhiều lần triệu tập chị N đến Tòa án làm việc nhưng chị N không đến. Mặc dù vậy, Tòa án vẫn giải quyết tranh chấp nuôi con chung theo yêu cầu của chị N, anh A là phù hợp quy định của pháp luật vì nội dung này nằm trong phạm vi giải quyết vụ án hôn nhân và gia đình.

[5] Xét thấy, khi giải quyết ly hôn, việc giao con cho cha hay mẹ nuôi thì phải đảm bảo được sự phát triển toàn diện về mọi mặt cho đứa trẻ. Từ trước đến nay, cháu Trịnh Hoàng P sống cùng anh A, tại phiên tòa, chị N cũng đồng ý giao cháu P cho anh A trực tiếp nuôi dưỡng. Vì vậy, yêu cầu của anh A về việc được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của anh A không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[7] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện về tranh chấp ly hôn, nuôi con của anh Trịnh Quang A đối với chị Tăng Thị Hồng N. Chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Trịnh Quang A phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 144, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 8, 9, Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trịnh Quang A đối với chị Tăng Thị Hồng N về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Trịnh Quang A được ly hôn với chị Tăng Thị Hồng N.

1.2. Về con chung: Giao cho anh Trịnh Quang A được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Trịnh Hoàng P, sinh ngày 21/4/2020.

Sau ly hôn, anh Trịnh Quang A và chị Tăng Thị Hồng N đều có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, không ai có quyền cản trở anh, chị thực hiện quyền này. Trường hợp chị N lạm dụng việc đi lại, thăm nom con gây ảnh hưởng xấu đến việc anh A nuôi con thì anh A có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của anh Trịnh Quang A không yêu cầu chị Tăng Thị Hồng N cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Anh Trịnh Quang A phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004018 ngày 05/12/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận. Anh Trịnh Quang A đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Nguyên đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ. Bị đơn có mặt được quyền kháng cáo bản trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện Đức Linh;
- Chi cục THADS huyện Đức Linh;
- UBND xã T, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Phan Thị Mỹ Dung